

MỘT SỐ HÌNH THỨC THANH TOÁN SỐ PHỔ BIẾN TẠI VIỆT NAM

● PHẠM THỊ PHƯƠNG UYÊN

Khoa Tài chính và Ngân hàng, Trường Kinh tế và Kinh doanh, Đại học Nha Trang

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này phân tích sự phát triển của các hình thức thanh toán số tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Kết quả cho thấy, thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam tăng mạnh cả về số lượng và giá trị giao dịch, trong đó Mobile Banking và QR Code là động lực chính. Mobile Money góp phần mở rộng tiếp cận tài chính tại khu vực nông thôn. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh cũng làm gia tăng rủi ro an ninh mạng và đặt ra yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý. Nghiên cứu đề xuất tăng cường cơ chế sandbox, củng cố bảo mật dữ liệu và nâng cao kỹ năng tài chính số nhằm bảo đảm phát triển bền vững hoạt động thanh toán số.

Từ khóa: thanh toán số, tài chính toàn diện, ngân hàng di động.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam từng là một trong những quốc gia phụ thuộc nhiều vào tiền mặt nhất ở châu Á, nhưng hiện nay tỷ lệ sử dụng tiền mặt trong thanh toán đang giảm dần, thay vào đó là các hình thức thanh toán số. Thanh toán số (digital payments) được hiểu là quá trình thực hiện các giao dịch thanh toán giữa các chủ thể thông qua phương tiện điện tử và hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông, thay vì sử dụng tiền mặt hoặc chứng từ giấy truyền thống. Trong đó, các thông tin về giao dịch, tài khoản, xác thực và đối soát được xử lý và truyền dẫn dưới dạng dữ liệu số. Thanh toán số là một trụ cột quan trọng trong quá trình xây dựng nền kinh tế số, thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống tài chính (IMF, 2020).

Các hình thức thanh toán số bao gồm: (i) Thẻ

ghi nợ, thẻ tín dụng và thẻ trả trước; (ii) Internet banking và Mobile banking do các ngân hàng cung cấp; (iii) Ví điện tử và các ứng dụng thanh toán di động; (iv) Mã QR và các giải pháp thanh toán nhanh; (v) Các hình thức mới nổi như tiền mã hóa, Blockchain và tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC). Trong đó, 4 hình thức đầu được sử dụng phổ biến ở Việt Nam và bài viết cũng tập trung phân tích 4 hình thức thanh toán này.

So với các phương thức thanh toán truyền thống, thanh toán số mang lại nhiều lợi ích nổi bật: (i) Giúp giảm chi phí giao dịch cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng nhờ cắt giảm khâu trung gian và xử lý nhanh hơn (OMFIF, 2020); (ii) Tính minh bạch cao hơn khi mọi giao dịch đều được ghi nhận điện tử, góp phần hạn chế rửa tiền

và gian lận; (iii) Giúp mở rộng tiếp cận tài chính, đặc biệt cho nhóm dân cư chưa được phục vụ đầy đủ bởi hệ thống ngân hàng truyền thống.

2. Cơ sở lý thuyết

Để giải thích hành vi sử dụng thanh toán số, nghiên cứu này sử dụng mô hình UTAUT do Viswanath Venkatesh và cộng sự (2003) đề xuất. Mô hình UTAUT cho thấy ý định sử dụng công nghệ chịu ảnh hưởng của kỳ vọng hiệu quả, kỳ vọng nỗ lực, ảnh hưởng xã hội và điều kiện hỗ trợ. Các nghiên cứu gần đây mở rộng UTAUT trong bối cảnh Fintech. Nghiên cứu của Chang và cộng sự (2025) cho thấy, niềm tin và nhận thức về lợi ích tài chính có ảnh hưởng đáng kể đến việc chấp nhận thanh toán di động tại Đông Nam Á. Điều này phù hợp với bối cảnh Việt Nam, nơi tốc độ tăng trưởng Mobile Banking và QR Code phản ánh kỳ vọng hiệu quả cao và tác động lan tỏa xã hội.

Theo World Bank (2022), thanh toán số giúp mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính cho nhóm dân cư chưa có tài khoản ngân hàng. Tại Việt Nam, Mobile Money đạt hơn 10 triệu tài khoản, phần lớn tập trung ở khu vực nông thôn, cho thấy vai trò của công nghệ di động trong thúc đẩy bao trùm tài chính.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính dựa trên dữ liệu thứ cấp từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), NAPAS và các báo cáo thống kê liên quan. Phân tích thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá tốc độ tăng trưởng số lượng và giá trị giao dịch trong giai đoạn 2021-2025. Cách tiếp cận này phù hợp với nghiên cứu ở cấp độ vĩ mô và phân tích chính sách.

4. Một số hình thức thanh toán số phổ biến tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ của thanh toán số, gắn liền với chiến lược thúc đẩy nền kinh tế không tiền mặt của Chính phủ. Theo số liệu được NHNN công bố, tính đến cuối năm 2025, tổng giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tại

Việt Nam tăng trưởng bùng nổ, ước tính khoảng 360 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 23% so với năm 2024 và gấp khoảng 28 lần so với GDP. Số lượng giao dịch tăng trưởng bình quân 58,86%/năm và giá trị tăng trưởng 24,36%/năm trong giai đoạn 2021-2025, cho thấy xu hướng dịch chuyển rõ rệt từ tiền mặt sang các phương thức thanh toán hiện đại.

Hạ tầng thanh toán ở Việt Nam những năm gần đây phát triển với tốc độ vượt bậc. Một trong những điểm sáng hạ tầng thanh toán của Việt Nam là sự phát triển của NAPAS, đơn vị trung gian kết nối các ngân hàng, công ty tài chính, đối tác cung cấp hạ tầng thanh toán để người dân sử dụng. Trong tháng 9 và tháng 10/2025, trung bình hệ thống NAPAS xử lý 35 đến 36 triệu giao dịch mỗi ngày, tương ứng mỗi ngày có khoảng 70 triệu lượt người dân sử dụng dịch vụ chuyển tiền, thanh toán của NAPAS và các đơn vị thành viên cung cấp (Ánh Tuyết, 2025). Theo cách tiếp cận của IMF (2019), khi chi phí giao dịch giảm và tính liên thông hệ thống được cải thiện, thanh toán số sẽ tạo ra hiệu ứng mạng lưới, từ đó thúc đẩy thương mại điện tử và ngân hàng số. Trường hợp Việt Nam cho thấy sự phát triển thanh toán số không chỉ là thay đổi hành vi tiêu dùng, mà là quá trình nâng cấp cấu trúc hạ tầng tài chính quốc gia.

Báo cáo “Digital payment users in Vietnam 2017 - 2025”, cập nhật năm 2022 của Statista cho thấy, có 51,8 triệu người dùng thương mại kỹ thuật số tại Việt Nam vào năm 2021. Đến năm 2025, Statista ước tính số lượng người dùng trong phân khúc này sẽ tăng lên 70,9 triệu. Số lượng người dùng thanh toán qua POS di động cùng lúc sẽ tăng từ 28,6 triệu lên khoảng 34,6 triệu người.

Thẻ ngân hàng:

Tính đến tháng 12/2025, toàn hệ thống có 108 triệu thẻ nội địa và gần 56 triệu thẻ quốc tế đang lưu hành, tăng 5,32% so với cùng kỳ năm 2024. Trong giai đoạn 2021 - 2025, bình quân mỗi năm, số lượng giao dịch nội địa qua thẻ tăng khoảng 13,9%, còn giá trị giao dịch tăng 12,08%. Song song với đó, xu hướng giảm dần giao dịch tiền mặt tiếp tục thể hiện rõ nét. Tính đến cuối năm

2025, số lượng máy ATM tại Việt Nam tiếp tục xu hướng giảm. Số lượng máy ATM giảm từ 20.986 máy (năm 2024) xuống còn 20.893 máy (năm 2025) giảm 0,4% về số lượng, Giao dịch qua ATM năm 2025 là 619 nghìn tỷ đồng giảm 17,3% so với năm 2024. Giao dịch ATM giảm phản ánh xu hướng dịch chuyển rõ rệt từ tiền mặt sang các nền tảng số.

Internet và mobile banking:

Internet và Mobile Banking là các kênh ngân hàng điện tử cho phép người dùng thực hiện giao dịch từ xa mà không cần đến trực tiếp quầy giao dịch. Cả 2 hình thức đều hỗ trợ các tính năng cơ bản như chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, tra cứu Theo thống kê của NHNN Việt Nam, tính đến cuối năm 2025, tổng giá trị giao dịch qua internet là 30,3 nghìn tỷ đồng và Mobile Banking là 24,1 nghìn tỷ. Trong giai đoạn 2021-2025, bình quân hàng năm, giao dịch qua kênh internet tăng 60,6% về số lượng và 31,92% về giá trị; giao dịch qua điện thoại di động tăng 73,32% về số lượng và 52,55% về giá trị.

Ví điện tử:

Theo NHNN, đến hết tháng 9/2025, có 53 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT đang hoạt động trên thị trường, trong đó có 49 tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử. Số lượng ví điện tử đang hoạt động là gần 30,35 triệu ví (chiếm 61,26% trong tổng số gần 49,57 triệu ví điện tử đã được kích hoạt) với tổng số dư trên các ví này là khoảng 3.110 tỷ đồng. Các nhà cung cấp ví điện tử như MoMo, ZaloPay và ViettelPay, những nền tảng đã khẳng định vị thế là những nền tảng tài chính kỹ thuật số phổ biến nhất đối với người tiêu dùng Việt Nam.

Mã QR:

Theo thống kê của NHNN, giao dịch qua mã QR tăng vọt 61,63% về số lượng và 150,67% về giá trị, trở thành phương thức dẫn đầu trong các loại hình thanh toán điện tử. Riêng hệ thống NAPAS, tính đến hết tháng 9/2025 đã xử lý hơn 8,3 tỷ giao dịch với tổng giá trị đạt 47,53 triệu tỷ đồng. Thậm chí trong những ngày cao điểm, hệ

thống đạt công suất hơn 42,5 triệu giao dịch/ngày, với độ sẵn sàng lên đến 99,997%. Hệ thống thanh toán bằng mã QR còn tạo thuận lợi cho các cửa hàng nhỏ, hộ kinh doanh cá thể khi họ không cần đầu tư thiết bị POS tốn kém. Điều này giúp hàng triệu doanh nghiệp nhỏ, hộ cá thể dễ dàng tiếp cận thương mại điện tử và mở rộng thị trường. Sự chuyển đổi này được thúc đẩy bởi các ứng dụng ngân hàng di động, ví điện tử và sự chấp nhận ngày càng tăng của các nhà bán lẻ, ngay cả ở các thành phố nhỏ và vùng nông thôn.

Việt Nam đã hoàn tất kết nối hệ thống thanh toán bán lẻ xuyên biên giới qua QR Code với Thái Lan, Campuchia, Lào, cho phép khách hàng thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài thông qua mã QR ngay trên ứng dụng di động (Mobile app) của ngân hàng Việt Nam và ngược lại. Hệ thống thanh toán QR giữa Việt Nam và Trung Quốc đã chính thức vận hành. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang triển khai kết nối thanh toán QR với Hàn Quốc và một số quốc gia khác.

Mobile Money:

Mobile Money cung cấp cho người dùng một tài khoản gắn liền với thuê bao di động. Họ có thể sử dụng tài khoản này để chuyển tiền, thanh toán dịch vụ, hàng hóa. Đến cuối tháng 9/2025, tổng số tài khoản Mobile Money là 10,89 triệu, trong đó số lượng tài khoản tại nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo khoảng 7,5 triệu, chiếm 70%. Tổng số lượng giao dịch đạt hơn 290,43 triệu món với giá trị khoảng 8.511 tỷ đồng. Từ 01/01/2026, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 368/2025/NĐ-CP thì tổng hạn mức giao dịch chuyển tiền và thanh toán qua tài khoản Mobile Banking của 1 khách hàng tại 1 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động tối đa là 100 triệu Đồng Việt Nam trong một tháng. Ở vùng nông thôn, thanh toán điện tử qua Viettel Money, VNPT Pay giúp người dân nhận hỗ trợ an sinh xã hội, tiền trợ cấp hoặc thanh toán hóa đơn mà không phải đến ngân hàng.

5. Thảo luận

Từ góc độ hành vi chấp nhận công nghệ, kết quả thực nghiệm phù hợp với mô hình UTAUT

của Venkatesh và cộng sự (2003). Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng Mobile Banking hơn 70%/năm về số lượng giao dịch cho thấy yếu tố “kỳ vọng hiệu quả” đóng vai trò trung tâm: người dùng nhận thấy thanh toán di động giúp tiết kiệm thời gian và chi phí. Thứ hai, sự phổ biến của QR Code, với mức tăng hơn 150% về giá trị giao dịch, phản ánh “kỳ vọng nỗ lực” thấp, khi quy trình thanh toán được đơn giản hóa tối đa. Thứ ba, sự lan tỏa của thanh toán số trong cộng đồng kinh doanh nhỏ lẻ thể hiện tác động của “ảnh hưởng xã hội”, khi việc sử dụng thanh toán số trở thành chuẩn mực thị trường. Cuối cùng, sự hoàn thiện của hạ tầng chuyển mạch và ngân hàng số cho thấy “điều kiện hỗ trợ” đã được cải thiện đáng kể.

Những phát hiện này cũng tương thích với nghiên cứu của Chang và cộng sự (2025), trong đó nhấn mạnh vai trò của niềm tin và lợi ích tài chính cảm nhận trong chấp nhận thanh toán di động tại Đông Nam Á. Trong bối cảnh Việt Nam, tốc độ tăng trưởng cao của giao dịch trực tuyến cho thấy, mức độ tin cậy vào hệ thống ngân hàng số và bảo mật thanh toán đang được củng cố. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cảnh báo, khi quy mô giao dịch tăng nhanh, rủi ro an ninh mạng và gian lận số sẽ gia tăng tương ứng, đòi hỏi khung pháp lý và năng lực giám sát phải theo kịp.

Dưới góc độ bao trùm tài chính, sự phát triển Mobile Money là một chỉ báo quan trọng. Hơn 10 triệu tài khoản Mobile Money được ghi nhận,

phần lớn tập trung tại khu vực nông thôn. Theo quan điểm của World Bank (2022), thanh toán số có thể thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ tài chính giữa khu vực thành thị và nông thôn khi chi phí thiết lập chi nhánh vật lý được thay thế bằng hạ tầng viễn thông. Kết quả tại Việt Nam cho thấy Mobile Money đang đóng vai trò như một cơ chế “bao trùm tài chính thay thế”, giúp người dân chưa có tài khoản ngân hàng tham gia vào hệ sinh thái tài chính số.

Tuy nhiên, từ góc nhìn quản trị rủi ro hệ thống, sự phụ thuộc ngày càng lớn vào hạ tầng số cũng làm gia tăng mức độ dễ tổn thương trước các sự cố kỹ thuật hoặc tấn công mạng. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường bảo mật dữ liệu, hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và nâng cao năng lực tài chính số của người dân. Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy, sự phát triển thanh toán số tại Việt Nam có thể được giải thích thuyết phục khi đặt trong khung phân tích tích hợp giữa kinh tế số, chấp nhận công nghệ và bao trùm tài chính.

6. Kết luận

Thanh toán số tại Việt Nam đang bước vào giai đoạn củng cố hệ sinh thái sau thời kỳ tăng trưởng nhanh. Sự kết hợp giữa hạ tầng kinh tế số, hành vi chấp nhận công nghệ và bao trùm tài chính là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng. Trong giai đoạn tới, việc cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và quản trị rủi ro sẽ quyết định tính bền vững của hệ thống thanh toán số ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Trần Thanh Đạm. (2023). Phát triển thanh toán điện tử tại Việt Nam: Dự báo các xu hướng và một số giải pháp phát triển. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 10, 15-18.

Nguyễn Trần Hưng. (2023). Thanh toán điện tử tại Việt Nam giai đoạn 2022-2025: Triển vọng, thách thức và một số giải pháp phát triển. Tạp chí Công Thương, số 11, 64-71.

Vũ Văn Điệp. (2017). Tổng quan về thanh toán điện tử tại Việt Nam. Tạp chí Công thương, số 10, 76-80.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2025). Báo cáo thanh toán không dùng tiền mặt.

Ánh Tuyết (2025), NAPAS xử lý giao dịch gấp 5 lần GDP, mở bước tiến mới trong thanh toán số, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/napas-xu-ly-giao-dich-gap-5-lan-gdp-mo-buoc-tien-moi-trong-thanh-toan-so-184570.html>

Statista. (2025). Digital payments in Vietnam - statistics & facts. Available at <https://www.statista.com/topics/9797/digital-payments-in-vietnam/#topicOverview>

Chang, A., Gunawan, T., & Sumarwan, U. (2025). A conceptual framework of mobile payment system adoption and use in Southeast Asia. *Journal of ASEAN Studies*.

International Monetary Fund. (2020). Digital money across borders: Macro-financial implications (Policy Paper No. 2020/050). Available at <https://doi.org/10.5089/9781513559209.007>

Official Monetary and Financial Institutions Forum (OMFIF). (2020). The future of payments. Available at https://www.omfif.org/wp-content/uploads/2020/12/The_Future_of_Payments.pdf

Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User acceptance of information technology: Toward a unified view. *MIS Quarterly*, 27(3), 425-478.

World Bank (2022). Financial Inclusion and Digital Payments.

Ngày nhận bài: 10/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/01/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/02/2026

COMMON DIGITAL PAYMENT METHODS IN VIETNAM

● **PHAM THI PHUONG UYEN**

Faculty of Finance and Banking, School of Economics and Business,
Nha Trang University

ABSTRACT:

This study examines the evolution of digital payment methods in Vietnam over the period 2021 - 2025 within the broader context of national digital transformation. The findings indicate a marked expansion in both the volume and value of cashless transactions, driven primarily by the rapid adoption of mobile banking services and QR code-based payments. Mobile Money has played a notable role in extending financial inclusion, particularly in rural and underserved areas. However, the acceleration of digital payment adoption has also heightened cybersecurity risks and exposed gaps in the existing regulatory framework. Overall, the study provides a comprehensive assessment of the growth dynamics and emerging challenges of Vietnam's digital payment ecosystem.

Keywords: digital payments, financial inclusion, mobile banking.